

**Bộ phận Chiến lược đầu tư**
**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM**
**Danh mục Năm giữ (Holding portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 6-18 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%	-	9.5%	175.2%
CTG	04/08/21	1	34,000	Mua	39,200	15.3%	27.7%	-	-9.7%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	27.0%	-	4.8%
HAH*	03/08/21	3	49,000	Nắm giữ	60,000	22.4%	-	21.7%	206.2%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	12.6%	-	18.7%
VHM*	31/05/21	2	102,600	Nắm giữ	102,300	0%	-	3.2%	37.7%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%	-	36.3%	56.4%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%	-	134.7%	163.3%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	-	12.0%	81.1%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%	-	49.4%	162.1%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	14.0%	-	126.0%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	-	12.6%	43.1%
TPB*	05/02/21	1	26,700	Nắm giữ	34,500	29.2%	-	22.9%	58.8%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%	-	20.2%	98.0%
SBT	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	3.2%	-	17.8%
QNS	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	4.4%	-	39.0%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

**Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)**
**Kỳ đầu tư: 3-6 tháng**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	26,000 - 28,000	46,000	21,900	1:3	-3.9%
TNG	24/08/21	25,460 - 26,850	35,180	24,000	1:3	14.3%
SLS	18/08/21	139,000 - 155,000	220,000	133,000	1:3	13.6%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	19.4%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	41.4%
ABI	17/06/21	52,000 - 56,000	75,000	49,000	1:2.7	17.3%
VND*	09/06/21	32,280 - 35,100	50,140	29,460	1:2.7	46.2%
DPG*	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	121.2%
GVR	28/05/21	26,900 - 30,100	49,000	24,500	1:3.5	27.1%
IDC	28/05/21	36,000 - 38,500	56,000	33,000	1:3	35.6%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	52.1%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	40.4%
SMC*	11/05/21	35,300 - 38,000	51,000	32,000	1:2	43.4%
BCG	12/04/21	13,800 - 14,400	20,300	12,500	1:3	44.1%
DIG	08/04/21	25,667 - 26,522	40,211	23,186	1:4	33.5%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	44.3%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	25.0%
TTF	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	1.7%
VIC*	26/03/21	96,900 - 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-8.1%
VCB	18/03/21	96,300 - 98,500	125,000	94,000	1:6	-1.5%
GEG	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	14.2%
FCN	08/03/21	14,000 - 15,000	22,000	13,400	1:4.5	4.3%

<b>PVD</b>	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	-3.5%
<b>TIG*</b>	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	101.1%
<b>GAS</b>	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	32.9%
<b>CNG</b>	17/02/21	21,900 - 23,000	31,500	20,600	1:3.5	75.2%
<b>CCL</b>	17/02/21	11,000 - 12,000	19,000	9,700	1:3	23.3%
<b>SAM</b>	17/02/21	11,200 - 12,100	22,500	10,200	1:5	11.2%
<b>LAF</b>	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	6.9%
<b>VSH*</b>	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	48.7%
<b>MSR</b>	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	19.0%
<b>SFI*</b>	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	75.8%
<b>PGV*</b>	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	99.2%
<b>CKG*</b>	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	203.5%
<b>DRI*</b>	20/10/20	4,730 - 5,230	10,230	3,930	1:4	173.8%

**Danh sách theo dõi đặc biệt của danh mục trading:**

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ
<b>BID</b>	28/05/21	46,000 - 48,500	65,000	42,500
<b>SGR</b>	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000
<b>CEO</b>	06/04/21	13,000 - 13,700	19,000	11,900

**ĐIỂM NHẤN PHIÊN GIAO DỊCH TRƯỚC**

Thị trường duy trì biên độ tăng tốt trong phần lớn thời gian buổi sáng nhưng dần suy yếu và đến buổi chiều thì phần lớn thời gian là nằm dưới tham chiếu, đóng cửa giảm nhẹ.

Tương quan tăng giảm nhìn chung là cân bằng trên toàn thị trường cũng như trong các nhóm vốn hóa vừa và nhỏ, trong khi nếu tính riêng trong nhóm vốn hóa lớn thì số lượng mã giảm lại vượt trội và là tác nhân chính kéo lùi thị trường, tiêu biểu như VHM, MSN, TCB, GAS, PLX... Trong khi đó, các cổ phiếu Bất động sản, đặc biệt là nhóm bất động sản vốn hóa vừa và nhỏ, có phiên giao dịch rất tích cực.

**VN-INDEX**



(Đồ thị ngày của VNIndex)

**Nhận định**

VNINDEX ngày 13/10/2021: (1) Biên độ dao động hẹp, mở cửa cao hơn tham chiếu và thấp hơn mức cao nhất ngày, đóng cửa thấp hơn mở cửa và cao hơn mức thấp nhất ngày, (2) Khối lượng giao dịch cả ngày thấp hơn ngày liền trước và thấp hơn trung bình.

⇒ Thị trường giảm điểm chủ yếu do áp lực từ các cổ phiếu vốn hóa lớn, trong khi đó lực bán nhìn chung đã suy yếu đi đáng kể (thể hiện ở khối lượng giao dịch thấp hơn trung bình), còn lực mua giá thấp vẫn chờ sẵn.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,200
	1,310 – 1,320
Kháng cự	1,350 – 1,380
	1,420

**TIÊU ĐIỂM – NEWS FOCUS**
**Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh – HDB VN**

Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HDBank) vừa thông tin sơ bộ kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2021. Tính đến hết ngày 30/9/2021, tổng tài sản của ngân hàng đạt hơn 346 nghìn tỷ đồng, tăng 26,7% so với cùng kỳ năm trước. Dư nợ tăng 16,1% so với cùng kỳ. Tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ duy trì thấp dưới 1%, tỷ lệ nợ xấu hợp nhất ở mức 1,4%, đều thấp hơn cùng kỳ năm trước. Tổng thu nhập hoạt động của ngân hàng vượt 12.100 tỷ đồng, tăng 23,6% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ chi phí/tổng thu nhập hoạt động giảm từ 43,8% tại 30/9/2020 xuống còn 39%. ROE đạt 24%, tăng mạnh so với mức 21,1% cùng kỳ năm trước. An toàn vốn, thanh khoản được đảm bảo với CAR (Basel II) đạt 13%.

**CTCP Tập đoàn hóa chất Đức Giang – DGC VN**

Tập đoàn Hóa Chất Việt Nam (Vinachem) muốn bán toàn bộ 15,13 triệu cổ phiếu DGC, tương ứng 8,85% vốn điều lệ để giảm sở hữu về 0 cổ phiếu. Thời gian dự kiến triển khai trong quý IV/2021.

**Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - POW**

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power, HoSE: POW) thông báo sản lượng điện tháng 9 ở mức 403 triệu kWh, thực hiện 46% kế hoạch tháng và giảm 65% so với cùng kỳ năm trước. Theo đó, tổng công ty ghi nhận doanh thu tháng 9 ở mức 869 tỷ đồng, giảm 48% so với cùng kỳ và tương đương 67% kế hoạch. Lũy kế 9 tháng đầu năm, PV Power ghi nhận hơn 12,2 tỷ kWh sản lượng và 20.710 tỷ đồng doanh thu, lần lượt giảm 19% và 5% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Công ty Bọc ống Dầu khí Việt Nam- PVB VN**

Công ty Bọc ống Dầu khí Việt Nam (PV Coating, HNX: PVB) công bố ngày 1/11 đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông chia cổ tức 2020 tỷ lệ 10% bằng tiền mặt, 1 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng. Ngày thanh toán 10/11, số tiền dự chi ra là 21,6 tỷ đồng.

**SỰ KIỆN PHIÊN GIAO DỊCH HÔM NAY**

Mã CK	Sàn	Nội dung sự kiện	Ngày GD không hưởng quyền	Ngày đăng ký	Ngày thực hiện
PCM	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (34đ/cp)	14/10/2021	15/10/2021	1/11/2021
SDA	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	14/10/2021	15/10/2021	14/10/2021
AAT	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền (1.000 đ/cp), bằng cp (tỷ lệ 10:1.15)	14/10/2021	15/10/2021	29/10/2021
SNC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)	14/10/2021	15/10/2021	19/11/2021
BLW	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	14/10/2021	15/10/2021	14/10/2021
BLW	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	14/10/2021	15/10/2021	14/10/2021
APS	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021	14/10/2021	15/10/2021	14/10/2021
NDN	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	14/10/2021	15/10/2021	29/10/2021
VGR	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2021	14/10/2021	15/10/2021	14/10/2021
VMC	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (500 đ/cp)	14/10/2021	15/10/2021	1/11/2021
TDH	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020	14/10/2021	15/10/2021	14/10/2021

## THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

### 1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

#### Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
SGP	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	68.2%	42,000	281.8%
SMC	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

#### Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

#### Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

### 2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

#### Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng số KN	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(\*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.

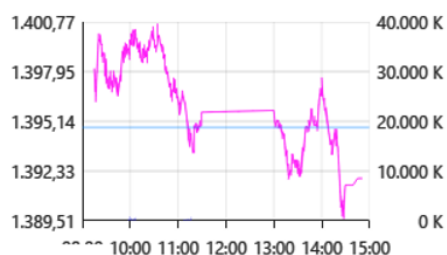
**FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC**

**BIẾN ĐỘNG NGÀY**

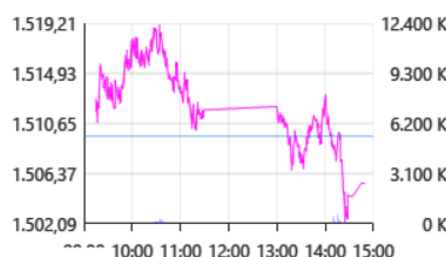
Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,391.91	-0.21%	-2.89	645.35	18,788.5	195	60	208
Vn30 - Index	1,505.55	-0.27%	-4.02	141.87	7,229.0	8	3	19
Vn - Mid	1,733.81	0.14%	2.35	215.63	6,068.6	30	8	32
VN - Small	1,747.74	0.46%	8.05	168.18	3,389.8	90	21	82
HNX - Index	379.34	0.97%	3.66	90.73	1,883.9	109	75	152
Upcom - Index	98.78	-0.03%	-0.03	70.30	1,522.9	167	71	122

**BIẾN ĐỘNG TRONG NGÀY**

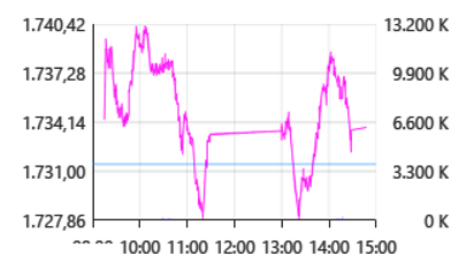
**VN-INDEX**



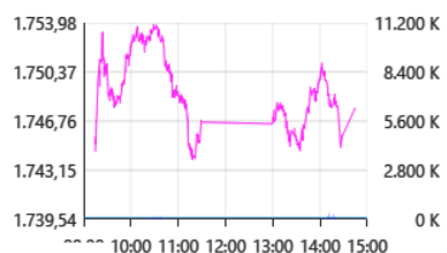
**VN30**



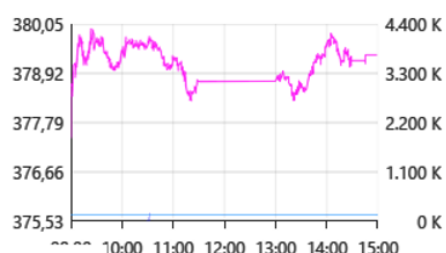
**VN-MID**



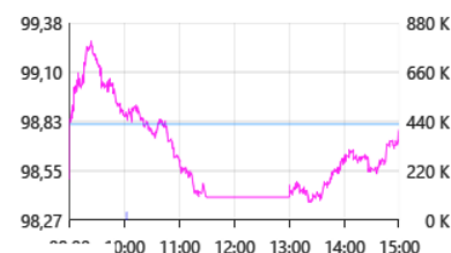
**VN-SMALL**



**HNX-INDEX**



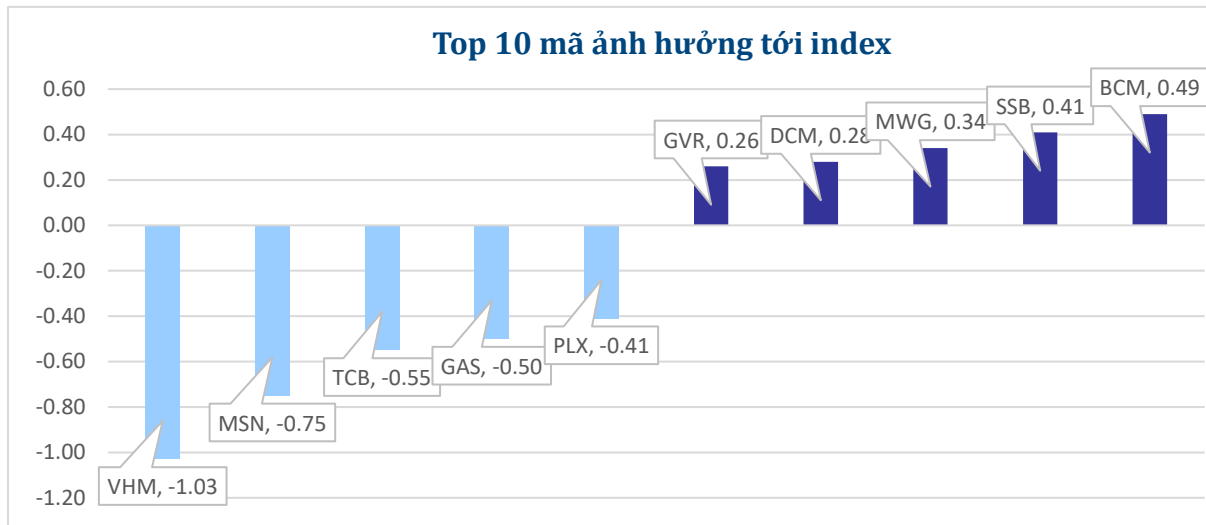
**UPCOM**



**THANH KHOẢN NGÀY**

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	18,788.50	-15.34%	645.35	-13.12%
HNX	1,883.90	-23.12%	90.73	-13.79%

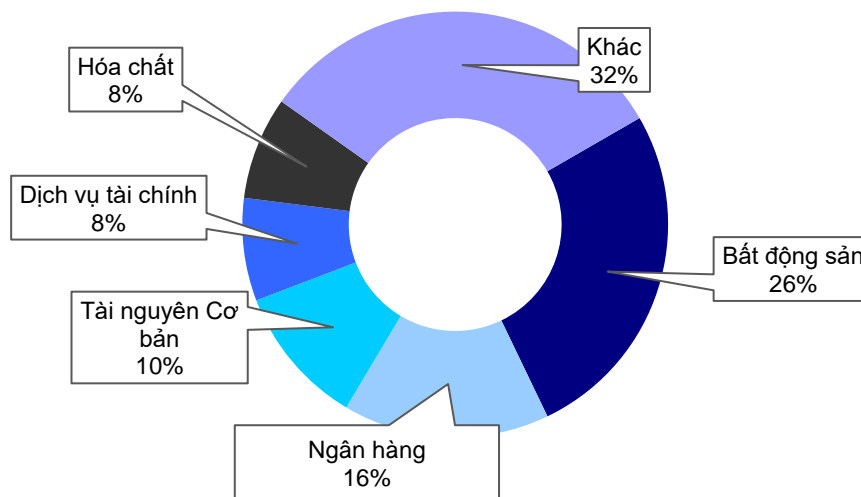
**CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY**

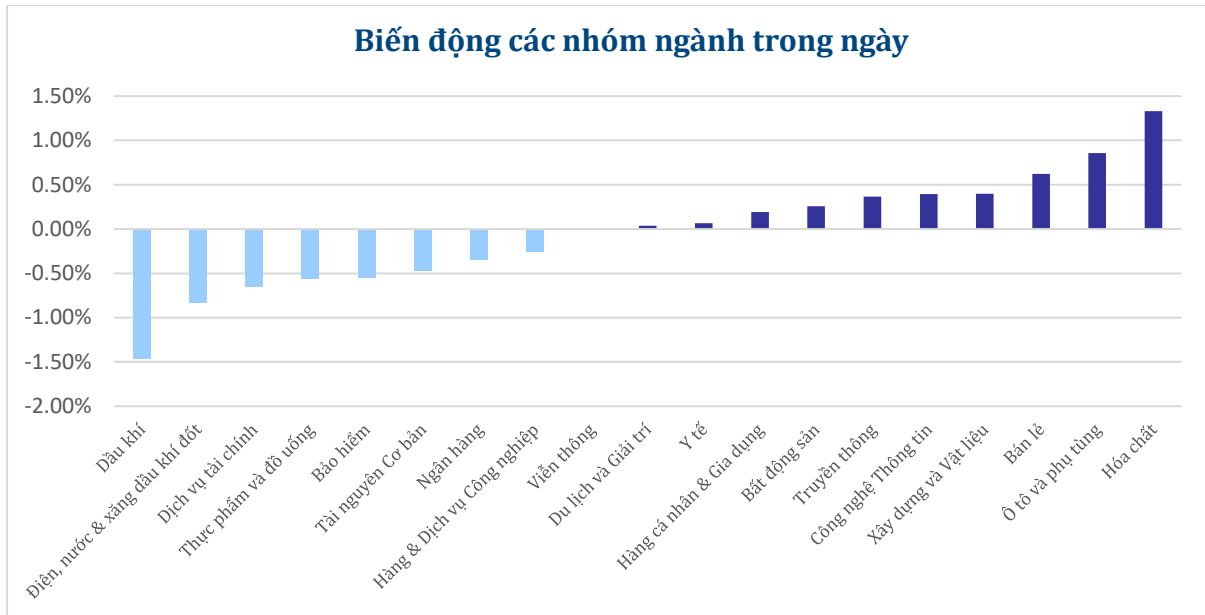


Top KLGD (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
<b>SHB</b>	22.52	<b>HPG</b>	888.4	<b>LDG</b>	420%	<b>LAS</b>	7.0%	<b>AAV</b>	-5.6%
<b>FLC</b>	20.91	<b>TCB</b>	748.5	<b>NBB</b>	374%	<b>DCM</b>	6.9%	<b>DLG</b>	-3.2%
<b>LDG</b>	18.09	<b>SHB</b>	673.5	<b>TDC</b>	331%	<b>LDG</b>	6.9%	<b>BVH</b>	-3.1%
<b>SCR</b>	17.39	<b>DPM</b>	505.5	<b>ASM</b>	247%	<b>DPG</b>	5.8%	<b>FLC</b>	-2.8%
<b>DLG</b>	17.07	<b>PDR</b>	488.1	<b>LHG</b>	217%	<b>DPM</b>	5.0%	<b>ROS</b>	-2.5%

**NHÓM NGÀNH**

**Thanh khoản ngành trong ngày**

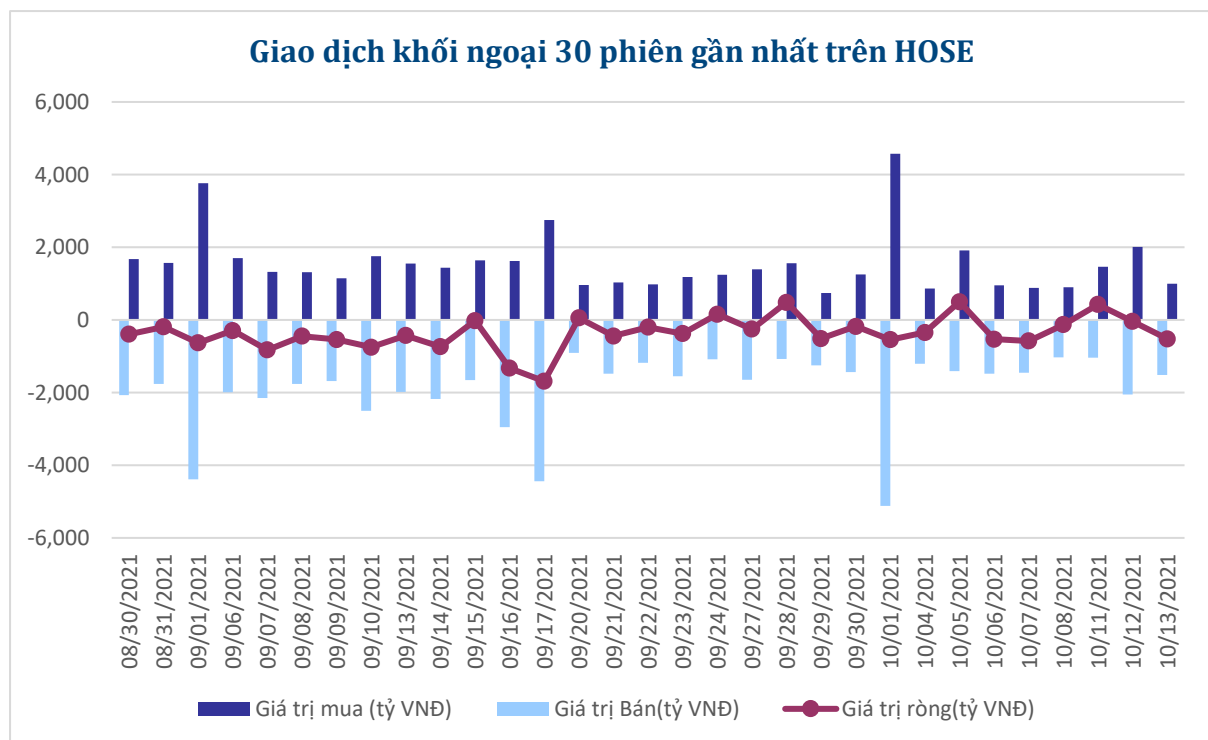




## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE bán ròng 520.48 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 9.55 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
HAH	84.23	HPG	149.28
VRE	44.45	SSI	69.81
HDG	30.99	VNM	66.21
MBB	25.30	PAN	60.27
LPB	23.27	VHM	59.15







**XẾP HẠNG CỔ PHIẾU**

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index.**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Khuyến nghị</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Mua</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Tích lũy</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
<b>Giảm tỷ trọng</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
<b>Bán</b>	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

**XẾP HẠNG NGÀNH**

Chỉ số tham chiếu: **VN - Index**

Kỳ hạn đầu tư: **6 đến 18 tháng**

<b>Xếp loại</b>	<b>Định nghĩa</b>
<b>Vượt trội</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
<b>Trung lập</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
<b>Kém hiệu quả</b>	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

**KHUYẾN CÁO**

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của người viết về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Guotai Junan Việt Nam Securities không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này. Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu tổng thể của công ty, bao gồm doanh thu từ/trong số các đơn vị kinh doanh khác. Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, giám đốc, nhân viên có thể có mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong tài liệu này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Báo cáo này đã được chuẩn bị trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tổ chức và khách hàng cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng cho quốc gia nơi báo cáo này được phân phối không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện ủy quyền của Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.

**GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY**

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
<b>Võ Thế Vinh</b>	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	<a href="mailto:vinhvt@gtjas.com.vn">vinhvt@gtjas.com.vn</a>	704
<b>Đỗ Trung Nguyên</b>	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	<a href="mailto:nguyendt@gtjas.com.vn">nguyendt@gtjas.com.vn</a>	703
<b>Trần Thị Hồng Nhung</b>	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	<a href="mailto:nhungtth@gtjas.com.vn">nhungtth@gtjas.com.vn</a>	706
<b>Đinh Quang Đạt</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	<a href="mailto:datdq@gtjas.com.vn">datdq@gtjas.com.vn</a>	
<b>Phí Công Linh</b>	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	<a href="mailto:linhpc@gtjas.com.vn">linhpc@gtjas.com.vn</a>	709

LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: <a href="mailto:ivs@gtjas.com.vn">ivs@gtjas.com.vn</a>	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696
Website: <a href="http://www.ivs.com.vn">www.ivs.com.vn</a>		